TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2025/DS-ST
Ngày: 30/9/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bàng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trình

Ông Mai Văn Du

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Đỗ Thục Uyên - Thư ký, Toà án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Tề Hoàng Anh Tuấn – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 231/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82A/2025/QĐST-DS ngày 09/9/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2025/QĐHPT-DS ngày 23/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ1. Địa chỉ: Số A đường T, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật ông Lê Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: ông Đặng P, chức vụ: Giám đốc xử lý nợ khu vực M. Ông P ủy quyền lại cho ông Dương Văn Đ và ông Mai Mạnh C, sinh năm 1995. Địa chỉ: C N, phường T, thành phố Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền số 182B/2025/UQ-SeABank ngày 02/6/2025). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quang T1, sinh năm: 1980 và Bà Trần Thị Tuyết D, sinh năm: 1984. Cùng địa chỉ: K đường T, Tổ A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (cũ) nay là phường A, TP Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện ghi ngày 02/6/2025 của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ1 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Mai Mạnh C trình bày:*

1. Đối với khoản nợ vay có bảo đảm:

Ngày 20/4/2021 ông Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D có ký kết với Ngân hàng TMCP Đ1 (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng cho vay từng lần số REF2110900382/HDTD/DNE-TTTD để vay số tiền 375.000.000 đồng, mục đích để thanh toán tiền mua xe ô tô, thời hạn vay 108 tháng. Lãi suất áp dụng cho 12

tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân là 7,49%/năm. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh vào ngày đầu tiên 20/4/2022 và được điều chỉnh vào ngày làm việc đầu tiên của quý liền kề tiếp theo. Mức điều chỉnh lãi suất 03tháng/lần và bằng lãi suất cơ sở của S cộng với biên độ 2,99%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay ông Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D đã thế chấp tài sản là Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai, số loại ACCENT, số khung RLUA741BBMN055586, số máy: G4LCLF721510, BKS 43A-611.13 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43004698 do Phòng C1 Công an thành phố Đ cấp ngày 15/04/2021 đứng tên sở hữu bà Trần Thị Tuyết D.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D đã trả nợ được số tiền gốc trả là 152.922.217 đồng và 121.805.292 đồng tiền lãi; kể từ tháng 01/2025 ông T1 bà D không thanh toán cho Ngân hàng và vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng vay. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nợ nhưng ông T1 bà D thiếu thiện chí hợp tác. Tính đến ngày **23/5/2025,** ông T1 bà D còn nợ Ngân hàng số tiền:

- Nợ gốc trong hạn: 204.823.000 đồng và nợ gốc quá hạn 17.254.783 đồng.
- Nợ lãi: 11.837.917 đồng và 800.244 đồng lãi trên gốc quá hạn.

Tổng cộng tiền gốc và lãi phải thanh toán là 234.715.944 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày bảng tính lãi tính đến ngày xét xử 30/9/2025 ông T1 bà D còn nợ Ngân hàng số tiền:

- Nợ gốc trong hạn: 190.931.917 đồng và nợ gốc quá hạn 31.146.783 đồng.
- Nợ lãi: 21.426.543 đồng và 2.280.793 đồng lãi trên gốc quá hạn, lãi chậm trả là 772.758 đồng. Tổng tiền lãi là 24.480.094

Tổng cộng tiền gốc và lãi phải thanh toán là 246.557.877 đồng.

Ngoài ra ông T1 bà D còn phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh theo lãi suất được quy định tại HĐTD nêu trên kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D không trả nợ hoặc không trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu thi hành xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với xe ô tô nhãn hiệu Huynhdai, số loại ACCENT, số khung RLUA741BBMN055586, số máy: G4LCLF721510, BKS 43A-611.13 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43004698 do Phòng C1 Công an thành phố Đ cấp ngày 15/04/2021 đứng tên sở hữu bà Trần Thị Tuyết D

**** Đối với khoản nợ thẻ tín dụng.***

Ngày 12/4/2021 ông Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D có ký kết với Ngân hàng TMCP Đ1 hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng S *(bao gồm Đơn đề nghị vay vốn và kiêm hợp đồng hạn mức, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).*

Căn cứ vào hợp đồng và thu nhập của ông T1 bà D, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng quốc tế S cho ông T1 bà D với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 34%/năm và được Ngân hàng điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng N về lãi suất cho vay. Sau

khi được cấp thẻ tín dụng, ông T1 bà D đã thực hiện nhiều giao dịch, đã thanh toán dư nợ thẻ từ năm 2021 đến tháng 12/2024.

Từ tháng 01/2025 ông T1 bà D trễ hạn thanh toán thẻ tín dụng và Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở nhưng ông T1 bà D không có thiện chí trả nợ. Do ông T1 bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Ngân hàng đã khóa thẻ tín dụng với dư nợ đến 23/5/2025 của ông T1 bà D là 19.826.311 đồng (bao gồm dư nợ, lãi, phí chậm thanh toán, lãi quá hạn và phí thường niên). Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền trình bày bảng tính lãi thẻ tín dụng ông T1 bà D còn nợ và tiền lãi tính đến ngày 30/9/2025 là 24.630.217 đồng (bao gồm dư nợ gốc quá hạn và lãi quá hạn)

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể buộc ông Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi của Hợp đồng tín dụng có bảo đảm số tiền tổng cộng là 246.557.877 đồng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số tiền dư nợ là 24.630.217 đồng. Tổng cộng là 271.188.094 đồng.

Yêu cầu ông Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D phải tiếp tục chịu lãi từ sau ngày xét xử cho đến khi thanh toán dứt điểm toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng theo quy định.

**** Đối với bị đơn ông Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D:*** mặc dù đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến địa chỉ nơi thường trú của ông T1 bà D nhưng ông T1 bà D đã bán nhà đi khỏi địa phương nên Tòa án đã tiến hành đăng thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng đối với Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T1 bà D cũng không tham gia, không đến Tòa án để làm việc, vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:***

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ1; buộc ông Nguyễn Quang T1 à bà Trần Thị Tuyết D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2025 theo hợp đồng vay là 246.557.877 đồng và hợp đồng thẻ tín dụng là 24.630.217 đồng. Trường hợp ông Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D không thanh toán

đủ số tiền trên cho Ngân hàng thì tài sản thế chấp được xử lý để thi hành án theo quy định. Án phí dân sự sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Việc Ngân hàng TMCP Đ1 ký kết hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với ông Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D, là hoạt động cấp tín dụng theo quy định tại Điều 3 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng. Nguyên đơn ngân hàng TMCP Đ1 khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D phải trả số tiền còn nợ phát sinh từ hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng kiêm giấy phát hành thẻ mà hai bên đã ký kết ngày 20/4/2021, mục đích là vay tiêu dùng. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là ông Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D, có nơi đăng ký thường trú trên địa bàn quận C, thành phố Đà Nẵng (cũ) nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng TMCP Đ1 với ông Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết Diễn P1 đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, thể hiện bị đơn đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản nợ của hợp đồng cho vay có thế chấp xe ô tô.

Ngày 20/4/2021 ông Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D và Ngân hàng TMCP Đ1 ký kết hợp đồng cho vay số REF2110900382/HDTD/DNE-TTTD để vay số tiền 375.000.000 đồng, mục đích để thanh toán tiền mua xe ô tô, thời hạn vay 108 tháng. Lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân là 7,49%/năm. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh vào ngày đầu

tiên 20/4/2022 và được điều chỉnh vào ngày làm việc đầu tiên của quý liền kề tiếp theo. Mức điều chỉnh lãi suất 03tháng/lần và bằng lãi suất cơ sở của S cộng với biên độ 2,99%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Để đảm bảo cho khoản vay ông Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D đã thế chấp tài sản là Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai, số loại ACCENT, số khung RLUA741BBMN055586, số máy: G4LCLF721510, BKS 43A-611.13 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43004698 do Phòng C1 Công an thành phố Đ cấp ngày 15/04/2021 đứng tên sở hữu bà Trần Thị Tuyết D.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D đã trả nợ được gốc trả là 152.922.217 đồng và 121.805.292 đồng tiền lãi; kể từ ngày 20/01/2025 ông T1 bà D không thanh toán thêm được khoản nào cho Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng vay. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nợ nhưng ông T1 bà D thiếu thiện chí hợp tác. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T1 bà D phải trả nợ cho Ngân hàng, tính đến ngày 30/9/2025, ông T1 bà D còn nợ Ngân hàng số tiền: 190.931.917 đồng và nợ gốc quá hạn 31.146.783 đồng; Nợ lãi: 21.426.543 đồng và 2.280.793 đồng lãi trên gốc quá hạn, lãi chậm trả là 772.758 đồng; Tổng tiền lãi là 24.480.094. Tổng cộng yêu cầu ông T1 bà D phải thanh toán là 246.557.877 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ1 thì thấy mặc dù được Ngân hàng cho vay nhưng ông T1 bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số REF2110900382/HDTD/DNE-TTTD và hợp đồng thế chấp xe ô tô số REF2110900382/HDTC/DNE-TTTD vào ngày 20/4/2021. Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu thanh toán nợ nhưng ông T1 bà D vẫn không có thiện chí trả nợ, dây dưa kéo dài. Vì vậy, Ngân hàng TMCP Đ1 khởi kiện yêu cầu ông T1 bà D thanh toán số tiền nợ theo Hợp đồng cho vay số tiền là 246.557.877 đồng tính đến ngày 30/9/2025. Với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình cho Tòa án là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D phải có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm cho Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền 246.557.877 đồng tính đến ngày 30/9/2025. Đồng thời ông T1 bà D phải tiếp tục trả lãi từ ngày 01/10/2025 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

- Đối với tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số REF2110900382/HDTC/DNE-TTTD ngày 20/4/2021 là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai, số loại ACCENT, số khung RLUA741BBMN055586, số máy: G4LCLF721510, BKS 43A-611.13 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43004698 do Phòng C1 Công an thành phố Đ cấp ngày 15/04/2021 đứng tên sở hữu bà Trần Thị Tuyết D sẽ được Ngân hàng X để thu hồi nợ trong trường hợp ông Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D không thanh toán đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 299, khoản 7 Điều 323 của Bộ luật dân sự. Về hiện trạng tài sản, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm

định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm là xe ô tô nói trên, tuy nhiên bị đơn ông Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D vắng mặt không có lý do, không thực hiện quyết định của Tòa án về việc xem xét thẩm định tài sản đã thế chấp nên Tòa án không thể xem xét được hiện trạng tài sản thực tế. Việc xử lý tài sản thế chấp được thực hiện theo quy định tại giai đoạn thi hành án dân sự.

[2.2.] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền dư nợ thẻ tín dụng là 24.630.217 đồng (bao gồm tiền gốc quá hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 30/9/2025) của hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế của S.

Ngày 12/4/2021, giữa ông T1 bà D và Ngân hàng có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng để vay số tiền 20.000.000 đồng (hạn mức) trên cơsở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực tráchnhiệm dân sự. Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dungphù hợp với Điều 117 Bộ luật Dân sự và các Điều 23, 27 và 28 Thông tư số39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N nên có hiệu lựcđối với các bên đã tham gia giao dịch. Các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trìnhnhư *Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng* là phù hợp với các quy định về phát hành và sử dụng thẻ tại Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N, đây là cơ sở để xác định ông T1 bà D có quan hệ tín dụng với Ngân hàng Đ1.

Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi các bên ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã thực hiện việc cấp tín dụng để ông T1 bà D sử dụng thẻ hạn mức 20.000.000 đồng cho mục đích tiêu dùng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông T1 bà D thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 30/9/2025 tổng số tiền là 24.630.217 đồng (bao gồm dư nợ gốc quá hạn là 19.772.656 đồng và lãi 4.857.561 đồng) và phải tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi thanh toán xong. Sau khi ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, ông T1 bà D không có thắc mắc, khiếu nại gì về các nội dung và điều khoản của Hợp đồng cũng như việc sử dụng thẻ tín dụng để thanh toán, tiêu dùng. Ông T1 bà D đã nhận thẻ và thực hiện nhiều giao dịch thanh toán, rút tiền đồng thời cũng đã thanh toán nợ cho Ngân hàng trong quá trình sử dụng thẻ từ tháng 4/2021 đến tháng 12/2024 đối với các giao dịch phát sinh dư nợ thẻ. Từ tháng 01/2025 ông T1 bà D không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình, vi phạm thỏa thuận tại *đơn đề nghị* vay vốn và kiêm hợp đồng *sử dụng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế* đã ký kết với Ngân hàng vào ngày 12/4/2021. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc ông T1 bà D phải trả khoản tiền dư nợ thẻ và toàn bộ lãi, phí phát sinh là có căn cứ và đúng pháp luật cũng như phù hợp với quy định tại Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ1, buộc ông T1 bà D phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 30/9/2025 là **271.188.094 đồng** (bao gồm 246.557.877 đồng của hợp đồng cho vay có thế chấp xe ô tô và 24.630.217 đồng của Hợp đồng thẻ tín dụng)

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông T1 bà D phải chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ôngNguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 271.188.094 đồng x 5% = **13.559.404** đồng, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về chi phí tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn Nguyễn Quang T1 và Trần Thị Tuyết D phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngân hàng TMCP Đ1 đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên buộc ông Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 147; 157; 227; 228; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Các Điều 13, 18, 23, 27 và 28 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vaycủa tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối caothông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ1 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với ông Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D.

2. Buộc ông Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 tổng số tiền **271.188.094 đồng** (bao gồm 246.557.877 đồng của hợp đồng cho vay có thế chấp xe ô tô và 24.630.217 đồng của Hợp đồng thẻ tín dụng) tính đến ngày 30/9/2025.

Kể từ ngày 01/10/2025 ông Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong tất cả khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D không thanh toán nợ gốc và lãi thì tài sản đảm bảo là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai, số loại ACCENT, số khung RLUA741BBMN055586, số máy: G4LCLF721510, BKS 43A-611.13 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43004698 do Phòng C1 Công an thành phố Đ cấp ngày 15/04/2021 đứng tên sở hữu bà Trần Thị Tuyết D theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số REF2110900382/HDTC/DNE-TTTD ngày 20/4/2025 được xử lý theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật dân sự để thu hồi nợ. Việc xử lý tài sản thế chấp thực hiện theo quy định về thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **13.559.404** đồng (mười ba triệu, năm trăm năm mươi chín nghìn, bốn trăm lẻ bốn đồng)

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền tạm ứng án phí 6.363.556đồng (sau triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm năm mươi sáu đồng đồng) theo biên lai thu số 0009964 ngày 26/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (cũ).

4. Về chi phí tố tụng: Bị đơn Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng. Buộc ông Nguyễn Quang T1 và bà Trần Thị Tuyết D có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Đ1 số tiền 3.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng.

5**.** Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Đà Nẵng;
- Thi hành án Tp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bàng